

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2023

Về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Rất.

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1976; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn T, xã T', huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 2, ấp B, xã Đ, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh H2**, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã Đ, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà cho ông Bùi Thanh H2 vay tiền nhiều lần, mục đích để làm ăn, kinh doanh. Thời gian đầu do tin tưởng nên bà chỉ đưa tiền cho ông H2 nhưng không yêu cầu ông H2 viết giấy nợ. Tính đến ngày 22/01/2022, số tiền ông H2 vay của bà là 600.000.000 đồng. Sau khi ông H2 viết giấy vay tiền 600.000.000 đồng vào ngày 22/01/2022 thì ông H2 hẹn 06 tháng sau sẽ trả tiền cho bà nhưng ông H2 chưa trả cho bà số tiền nào. Đến ngày 14/4/2022, ông H2 tiếp tục ký giấy mượn tiền cho bà với nội dung những khoản vay trước

đây đã được thanh toán hết và tính đến ngày 14/4/2022 thì ông H2 còn nợ bà số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Khi ông H2 ký giấy nợ cho bà vào ngày 14/4/2022, ông H2 có thỏa thuận bằng lời nói khoảng 01 tuần đến 10 ngày sẽ trả tiền lại cho bà đồng thời ông H2 giao cho bà bản gốc 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 557714, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04903 do Ủy ban nhân dân huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05/5/2004 do ông Bùi Thanh H2 đứng tên để làm tin.

Sau đó, ông H2 tiếp tục vay tiền của bà nhiều lần nhưng do số tiền nhỏ nên bà không yêu cầu ông H2 viết giấy nợ. Tính từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/8/2022, số tiền ông H2 vay thêm của bà tổng cộng là 80.100.000 đồng. Bà giao tiền cho ông H2 bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể như sau:

Ngày 16/4/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 500.000 đồng;
Ngày 18/4/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 23/4/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 04/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 3.000.000 đồng;
Ngày 07/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 3.000.000 đồng;
Ngày 07/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 2.000.000 đồng;
Ngày 14/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 500.000 đồng;
Ngày 18/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 25/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 35.000.000 đồng;
Ngày 25/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 28/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 31/5/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 5.000.000 đồng;
Ngày 08/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 09/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 13/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 500.000 đồng;
Ngày 13/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 500.000 đồng;
Ngày 13/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 14/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 16/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 1.000.000 đồng;
Ngày 21/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 21/6/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 100.000 đồng;
Ngày 19/8/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 2.000.000 đồng;
Ngày 19/8/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 3.000.000 đồng;
Ngày 19/8/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 3.000.000 đồng;
Ngày 24/8/2022 chuyển khoản cho vay số tiền 2.000.000 đồng;

Do không hiểu biết nên trong 25 lần chuyển khoản trên, bà chỉ ghi nội dung cho ông H2 mượn tiền vào ngày 23/4/2022 (chuyển khoản 1.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi “*NGUYEN THI HI chuyen khoan cho anh h2 muon mot trieu*”), ngày 25/5/2022 (chuyển khoản 35.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản

ghi “NGUYEN THI H1 chuyển khoản cho anh Bui Thanh H2 muốn 35 triệu để lại lay von lam an” và ngày 21/6/2022 (chuyển khoản 100.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi “cho mượn”). Các lần chuyển khoản còn lại bà không ghi nội dung chuyển khoản.

Tổng cộng, số tiền ông H2 vay của bà là 280.100.000 (Hai trăm tám mươi triệu một trăm nghìn) đồng. Đối với các lần vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản ông H2 thỏa thuận bằng lời nói chỉ mượn đỡ vài ngày trả lại. Bà đã yêu cầu ông H2 trả nợ nhiều lần nhưng ông H2 chỉ hứa hẹn mà không trả tiền cho bà. Sau khi bà nộp đơn khởi kiện, bà vẫn tiếp tục yêu cầu ông H2 trả nợ nhưng đến nay ông H2 vẫn chưa trả cho bà số tiền nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông H2 trả cho bà số tiền nợ gốc 280.100.000 (Hai trăm tám mươi triệu một trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau khi ông H2 trả hết số tiền trên cho bà thì bà sẽ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2.

* Bị đơn ông Bùi Thanh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên đối chất, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Bùi Thanh H2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Bùi Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền nợ gốc 236.100.000 đồng. Ghi nhận bà H1 không yêu cầu tính lãi. Bà H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông H2 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 557714, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04903 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05/5/2004 do ông Bùi Thanh H2 đứng tên. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bị đơn – ông Bùi Thanh H2 đã được Toà án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Bùi Thanh H2 có nơi cư trú tại ấp B, xã Đ, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 280.100.000 đồng của bà H1 thấy rằng:

[3.1] Bà H1 trình bày, ông H2 có vay tiền của bà nhiều lần nhưng đến ngày 14/4/2022, hai bên chốt nợ thì số tiền ông H2 còn nợ bà là 200.000.000 đồng. Khi chốt nợ hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 14/4/2022 với nội dung “*Những khoản vay trước đây giữa hai bên đã được thanh toán hết. Tính đến hôm nay ngày 14/4/2022 ông Bùi Thanh H2 còn nợ bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu). Để làm tin, ông Bùi Thanh H2 giao cho bà Nguyễn Thị H1 cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bùi Thanh H2 đứng tên chủ sử dụng*”. Giấy mượn tiền ngày 14/4/2022 có chữ ký và dấu lấn tay của ông Bùi Thanh H2. Tại Kết luận giám định số 517/KL-KTHS ngày 01/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: “*Chữ ký mang tên Bùi Thanh H2 dưới mục “Bên mượn tiền” trên “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 14 tháng 4 năm 2022 (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Bùi Thanh H2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M05) do cùng một người ký ra*”. Tại Kết luận giám định số 738/KL-KTHS ngày 10/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: “*Dấu vân tay dưới mục “Bên mượn tiền” trên “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 14 tháng 4 năm 2022 (ký hiệu A) với dấu vân tay in trên “PHIẾU THU NHẬN THÔNG TIN CĂN CUỐC CÔNG DÂN số thẻ CCCD: 072.073.002.714”, Họ tên Bùi Thanh H2, sinh năm 1973, nơi thường trú ấp B, xã Đ, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, lập ngày 17 tháng 12 năm 2018 (ký hiệu M) của cùng một người*”. Do đó, có cơ sở xác định, ông H2 vay của bà H1 số tiền 200.000.000 đồng là có thật.

[3.2] Ngoài ra, bà H1 trình bày từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/8/2022 bà có chuyển khoản cho ông H2 vay tổng cộng số tiền 80.100.000 đồng. Căn cứ chứng cứ mà bà H1 cung cấp là “*Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có*” của khách hàng Nguyễn Thị H1, số tài khoản 222228888xxxx và “*Báo cáo tài khoản khách hàng đối ứng – Giao dịch FT*” của khách hàng Bùi Thanh H2, số tài khoản 734015366xxxx do Ngân hàng A – Chi nhánh Tây Ninh cung cấp thể hiện từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/8/2022 bà H1 có chuyển vào tài khoản của ông H2 số tiền 80.100.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, chỉ có ngày 23/4/2022 bà H1 chuyển khoản 1.000.000 đồng cho ông H2 có ghi nội dung “*NGUYEN THI H1 chuyen khoan cho anh H2 muon mot trieu*”; ngày 25/5/2022 bà H1 chuyển khoản cho ông H2 35.000.000 đồng có ghi nội dung “*NGUYEN THI H1 chuyen khoan*

cho anh Bui Thanh H2 mượn 35 triệu để lại lay von lam an” và ngày 21/6/2022 bà H1 chuyển khoản cho ông H2 100.000 đồng ghi nội dung “cho mượn”. Các lần chuyển khoản còn lại bà H1 không ghi nội dung chuyển khoản nên không xác định bà H1 chuyển tiền cho ông H2 nhằm mục đích gì. Bà H1 cho rằng do bà không hiểu biết nên không ghi lý do chuyển tiền và những lần chuyển khoản sau này bà mới biết và nghi nội dung cho mượn tiền là không phù hợp vì ngày 25/5/2022 khi bà chuyển khoản cho ông H2 vay 35.000.000 đồng bà có ghi nội dung chuyển khoản là cho ông H2 mượn tiền để lấy vốn làm ăn và sau ngày 25/5/2022 bà vẫn liên tục chuyển khoản cho ông H2 nhưng vẫn không ghi nội dung chuyển khoản. Trong khi đó, các lần chuyển khoản cho các cá nhân khác vay tiền bà H1 cũng ghi rõ nội dung cho mượn tiền (ví dụ như ngày 27/6/2022 bà H1 chuyển khoản 15.000.000 đồng đến số tài khoản VND114260032xxxx bà H1 ghi nội dung chuyển khoản là “NGUYEN THI H1 chuyen khoan chi hop cho em Nguyen Quoc T mượn 15 triệu đồng” hoặc ngày 22/8/2022 bà H1 chuyển khoản 7.000.000 đồng đến số tài khoản 10186771xxxx bà H1 ghi nội dung chuyển khoản là “NGUYEN THI H1 chuyen khoan chuyen khoan cho be mượn 7 triệu mua vé máy bay một tháng Hoang tro lai”). Từ đó có cơ sở xác định số tiền bà H1 chuyển khoản cho ông H2 vay là 1.000.000 đồng ngày 23/4/2022 + 35.000.000 đồng ngày 25/5/2022 + 100.000 đồng ngày 21/6/2022, tổng cộng là 36.100.000 đồng. Không có cơ sở chấp nhận số tiền 44.000.000 đồng của những lần chuyển khoản còn lại là tiền ông H2 vay bà H1.

[3.3] Bà H1 cho rằng từ ngày vay tiền đến nay ông H2 không trả cho bà số tiền nào. Ông H2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông H2 vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H1. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H1. Buộc ông H2 có nghĩa vụ trả cho bà H1 số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng + 36.100.000 đồng = 236.100.000 (Hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng. Bà H1 không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Bà H1 trình bày khi ký giấy xác nhận nợ cho bà H1 vào ngày 14/4/2022, ông H2 có thể chấp cho bà H1 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 557714, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04903 QSDĐ/145/2004/QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân dân huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05/5/2004 do ông Bùi Thanh H2 đứng tên. Mục đích ông H2 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H1 để làm tin, việc thế chấp không tuân thủ quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, bà H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông H2 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của bà H1 đối với ông H2 được Tòa án chấp nhận theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

236.100.000 đồng x 5% = 11.805.000 (Mười một triệu tám trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của bà H1 đối với ông H2 không được Tòa án chấp nhận theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$44.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.200.000$ (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

[6] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký và chi phí giám định dấu vân tay là 3.600.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H1 được chấp nhận nên ông H2 phải chịu chi phí giám định theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H1 đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông H2 phải trả lại cho bà H1 số tiền 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Bùi Thanh H2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Bùi Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 236.100.000 (Hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận bà H1 không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Thanh H2 01 (một) bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 557714, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04903 QSDĐ/145/2004/QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân dân huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05/5/2004 do ông Bùi Thanh H2 đứng tên.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ”.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Bùi Thanh H2 phải chịu 11.805.000 (Mười một triệu tám trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khâu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp là

7.150.000 (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026918 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà H1 số tiền chênh lệch là 4.950.000 (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Ông Bùi Thanh H2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng chi phí giám định.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Phạm Thị Yến